

## THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài hồi hương về Việt Nam

*Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quyết định số 875/TTg ngày 21/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (dưới đây viết tắt là công dân VNĐCNN) hồi hương về Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc quản lý các loại phí và lệ phí;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài được hồi hương về Việt Nam như sau:*

### I. ĐỐI TƯỢNG NỘP VÀ MỨC THU LỆ PHÍ:

1. Đối tượng nộp lệ phí: công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài khi được hồi hương về Việt Nam thì phải nộp lệ phí (dưới đây gọi là lệ phí hồi hương) theo quy định tại Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm 2, mục này.

2. Không phải nộp lệ phí hồi hương đối với thân nhân là trẻ em dưới 16 tuổi kê khai cùng đơn với người được hồi hương.

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy thông hành hồi hương (đối với người được hồi hương đang ở nước ngoài) hoặc thủ trưởng cơ quan cấp giấy giới thiệu cho người hồi hương đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người hồi hương đã về Việt Nam) xét, quyết định trường hợp không phải nộp lệ phí hồi hương quy định tại điểm này.

3. Mức thu lệ phí hồi hương một người/lần: 100 USD (một trăm đôla Mỹ).

Lệ phí hồi hương nộp tại Việt Nam thu bằng tiền "đồng" Việt Nam, quy đổi theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu lệ phí;

trường hợp người nộp lệ phí có nhu cầu nộp bằng tiền nước ngoài thì được nộp bằng tiền đôla Mỹ theo mức thu quy định tại điểm này.

Lệ phí hồi hương nộp tại các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài thì được nộp bằng đôla Mỹ hoặc bằng tiền của nước sở tại quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại có thẩm quyền của nước sở tại công bố tại thời điểm nộp tiền.

## **II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ:**

1. Đối với lệ phí hồi hương thu tại Việt Nam:

a. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi người hồi hương thường trú) có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí hồi hương đối với những công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã về và đang ở tại Việt Nam. Cơ quan thu lệ phí hồi hương có trách nhiệm:

- Đăng ký việc thu lệ phí hồi hương với cơ quan Thuế địa phương nơi đóng trụ sở, thực hiện mở sổ sách kế toán, sử dụng chứng từ thu, nộp và sử dụng lệ phí hồi hương theo quy định của Bộ Tài chính.

- Tổ chức thu lệ phí hồi hương trước khi cấp giấy giới thiệu (gọi chung là giấy phép) cho người hồi hương làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú theo thông báo của Bộ Nội vụ và thực hiện nộp lệ phí hồi hương đúng chế độ quy định. Khi thu tiền phải cấp biên lai thu lệ phí cho người nộp tiền (loại biên lai do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành, do Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi đơn vị thu đóng trụ sở cấp).

- Hàng năm thực hiện quyết toán thu, nộp, sử dụng tiền thu lệ phí đồng thời với việc sử dụng chứng từ thu lệ phí (biên lai) với cơ quan Thuế và gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

b. Thủ tục nộp ngân sách và quản lý lệ phí hồi hương:

- Định kỳ một tháng một lần, cơ quan thu lệ phí hồi hương thực hiện kê khai với cơ quan Thuế nơi đóng trụ sở về số lượng người được cấp giấy phép hồi hương, các trường hợp không thu lệ phí và số tiền lệ phí thu được trong kỳ.

Cơ quan Thuế kiểm tra tờ khai, tính và ra thông báo cho cơ quan thu số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước 90% số lệ phí thu được trong kỳ, thời hạn nộp và